

Bản án số: 09/2022/HS-ST

Ngày: 06-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hữu Tường

Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/HSST ngày 21/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 11/02/2022 đối với:

* Bị cáo: **Nguyễn Thị H**, sinh ngày: 15/5/1987, tại thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đảng phái: Quân chủng; Con ông Nguyễn Bá L (Đã chết), con bà Phạm Thị K, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Chồng Đặng Hồng M, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Con: Có 03 đứa, đứa lớn sinh năm 2006, đứa nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/6/2021 tại xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

- Chị Trần Thị T T, sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trú tại: Thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1958; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn 4, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Kiều Thị Đ, sinh năm 1969; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn 4, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên:***

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn Xuân N, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Chị Thái Thị T, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn 1, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)
- Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn Xuân N, xã Cẩm N, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Chị Kiều Thị H, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn 4, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1994; Hiện Đng chấp hành án tại Trại giam X-Bộ Công an (Vắng mặt)
- Anh Phạm Quang C, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Đánh bắt hải sản; Trú tại: Thôn Xuân N, xã Cẩm N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Bà Phạm Thị K, sinh năm 1960; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Thôn C, xã Cẩm Ng, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Chị Trần Thị N, sinh năm 1995; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Thôn 4, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- * *Người làm chứng:*
 - Ông Nguyễn Tông T, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
 - Chị Nguyễn Thị T L, sinh năm 2006; Trú tại: Thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị T L: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn C, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Trú tại: TDP Trần P, thị trấn Thiên C, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Chị Mai Thị Minh A, sinh năm 1997; Trú tại: Thị trấn Thạch H, huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)
- Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn 1, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến năm 2020, Nguyễn Thị H đã thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức để chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Năm 2004, ông Trần Quang H được UBND xã Cẩm N cấp diện tích đất 96m², tại thôn Chùa, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ). Năm 2014, ông H chết, diện tích đất nói trên không có người sử dụng. Bà Nguyễn Thị T (cháu dâu của ông H), nghĩ bản thân từng có thời gian chăm sóc ông H nên sẽ được thừa kế diện tích đất này. Tháng 6/2019, khi bà T Đng ở tỉnh Đắk Lắk gọi điện thoại thỏa thuận chuyển nhượng diện tích của ông H cho Nguyễn Thị H với giá 135.000.000 đồng. Khoảng nửa tháng sau, bà T về cùng H đến gặp ông Nguyễn Tông T là cán bộ địa chính xã Cẩm Nhượng để làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ nhưng được ông T trả lời là đất chưa đủ điều kiện để cấp giấy, nếu bà T có nhu cầu thì làm đơn xin cấp, có chữ ký của các thành viên trong gia đình để UBND xã xem

xét. Do chưa làm được giấy CNQSDĐ nên H đặt cọc trước cho bà T số tiền 60.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ T toán khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Đến cuối năm 2019, do không có khả năng T toán số tiền còn lại cho bà T và biết chị Trần Thị T T có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm nhà ở nên H giới thiệu cho chị TH mua đất của bà T. H không nói cho chị TH biết H và bà T đã thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nói trên nên chị TH đồng ý mua và đưa cho H số tiền 60.000.000 đồng để đặt cọc cho bà T. Số tiền này, H trừ vào số tiền H đã đặt cọc cho bà T trước đó. Sau đó, bà T nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu T toán số tiền còn lại nên H yêu cầu chị TH chuyển tiền để H T toán cho bà T. Một thời gian sau, bà T nói với H tăng giá chuyển nhượng lên 185.000.000 đồng, H nói lại với chị TH và chị TH vẫn đồng ý tiếp tục mua. Những lần bà T ứng tiền, có lúc H cùng chị TH đưa tiền xuống cho vợ chồng anh Phạm Quang C (con trai của bà T), chị Trần Thị Tr (con dâu của bà T), lúc thì H tự mình hoặc nhờ mẹ và con gái đưa cho gia đình bà T số tiền 54.000.000 đồng và H trực tiếp chuyển cho bà T số tiền 40.500.000 đồng qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel. Tổng số tiền chị Trần Thị T T đã đưa cho Nguyễn Thị H là 185.000.000 đồng để mua đất của bà T; H đã chuyển cho bà T số tiền 154.500.000 đồng, còn lại 30.500.000 đồng H chờ bà T làm xong giấy tờ rồi T toán, nhưng sau đó H đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Trong thời gian chờ bà T làm giấy tờ chuyển nhượng đất, Nguyễn Thị H có nghe bà T nói là ở trước và sau mảnh đất 96m² nói trên còn có 02 phần đất có diện tích 01m và 03m. Lúc này, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, H đã nảy sinh ý định lừa chị TH để chiếm đoạt tiền. Mặc dù không biết là hai phần đất này có làm được giấy tờ để mua bán hay không nhưng H vẫn giới thiệu với chị TH, nói chị TH hãy mua luôn và H sẽ giúp chị TH làm giấy tờ. Chị TH đồng ý và đã chuyển cho H số tiền 75.000.000 đồng theo yêu cầu của H. Sau đó, H gặp anh Nguyễn Tông T để hỏi về hai phần đất trước sau đó nhưng anh T nói hai phần đất đó không mua bán được, H không nói lại với chị TH và chiếm đoạt số tiền 75.000.000 đồng của chị TH sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Sau khi đã đưa tiền đầy đủ cho H, chị TH liên tục hỏi về giấy CNQSDĐ phần đất nhận chuyển nhượng. Do bên bà T chưa làm được giấy tờ, nên Nguyễn Thị H đã liên hệ với một tài khoản mạng xã hội facebook để đặt làm một giấy CNQSDĐ giả mang tên chị Trần Thị T T, với giá 10.000.000 đồng. Theo hướng dẫn của người đó, H đến cửa hàng photocopy của chị Nguyễn Thị T in một bản hợp đồng chuyển nhượng đất và đưa cho vợ chồng chị TH ký, rồi nhờ anh Phạm Quang C viết một tờ giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu vợ chồng chị TH cung cấp thông tin về sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của hai vợ chồng chị TH và số tiền 10.000.000 đồng để làm giấy CNQSDĐ. H gửi chuyển phát nhanh nhờ người làm giả giấy CNQSDĐ, đồng thời chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19032588686019 mang tên Lưu Chí K, trú tại xã Văn Hưng, huyện Văn Ninh, tỉnh Khánh H, còn 9.000.000 đồng khi nào nhận được giấy CNQSDĐ sẽ T toán. Khoảng một tuần sau, H nhận được giấy CNQSDĐ thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh và T toán số tiền 9.000.000 đồng cho nhân viên chuyển phát nhanh (H không biết thông tin về người này). Sau đó H đưa giấy CNQSDĐ cho chị TH, với các thông tin như sau: Giấy CNQSDĐ số phát hành Serial CO 388102, mã vạch 5823620511392, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 24,

diện tích 96 m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn Chùa, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, mang tên Trần Thị T T, có chữ ký của ông Hồ Huy Thành và đóng dấu đỏ Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh (cấp năm 2020, không có ngày tháng).

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã nhận từ chị Trần Thị T T là 270.000.000 đồng, trong đó số tiền về việc chuyển nhượng thửa đất 96m² của bà Nguyễn Thị T là 185.000.000 đồng theo thỏa thuận dân sự. Còn lại số tiền 85.000.000 đồng là do Nguyễn Thị H dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của chị Trần Thị T T.

Vụ thứ hai: Một thời gian sau, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, H đã vay của chị Trần Thị T T 30.000.000 đồng nhưng sau đó không có trả nên đã nói dối với chị TH là H có một thửa đất diện tích 160m² tại thôn Liên Thành, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, cần chuyển nhượng với giá 500.000.000 đồng, nếu chị TH có nhu cầu mua thì H cho nợ, đến khi nào có tiền thì T toán. Tin lời H nên chị TH đồng ý mua. Sau đó, H nhiều lần lấy cớ vay mượn của chị TH tổng số tiền 110.000.000 đồng thì chị TH không tiếp tục cho H mượn nữa. Lúc này, hai bên thống nhất số tiền 110.000.000 đồng sẽ tính vào tiền chị TH mua thửa đất 160m² của H. Để tạo lòng tin đối với chị TH, Nguyễn Thị H liên hệ với tài khoản facebook trên đặt làm một giấy CNQSDĐ giả, với giá 10.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, H đã chuyển khoản trước vào số tài khoản Ngân hàng Á châu số 15735817, mang tên Võ Duy A, trú tại xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh T Hóa số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền còn lại 8.500.000 đồng sẽ T toán khi nhận được giấy CNQSDĐ. Khoảng một tháng sau, thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh H nhận được giấy CNQSDĐ và T toán số tiền còn lại cho nhân viên chuyển phát nhanh. Sau đó, H đưa giấy CNQSDĐ mang tên anh Nguyễn Văn C (chồng chị TH) cho vợ chồng chị TH, với các thông tin như sau: Giấy CNQSDĐ số Serial CO 388102, mã vạch 5823620511392, thửa đất số 182, tờ bản đồ số 24, diện tích 160m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn Liên T, xã Cẩm N, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, có chữ ký của ông Hồ Huy T và đóng dấu đỏ Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh (cấp năm 2020, không có ngày tháng).

Ngày 06/5/2021, nghi ngờ 02 giấy CNQSDĐ Nguyễn Thị H đưa là giả nên vợ chồng chị TH đã đến Văn phòng đăng ký đất Đì Thành phố Hà Tĩnh - Cẩm Xuyên để kiểm tra, kết quả xác định 02 giấy CNQSDĐ nói trên là giả mạo. Văn phòng đăng ký đất Đì Thành phố H - Cẩm X đã có văn bản chuyển 02 giấy CNQSDĐ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên.

Tại bản Kết luận giám định số 38 ngày 24/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận:

- 02 phôi giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu A1, A2 so với 02 mẫu phôi so sánh ký hiệu M1, M2 không phải cùng một loại phôi.

- Chữ ký đề tên Hồ Huy Thành trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải cùng một người.

- Hình con dấu có nội dung “CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH HÀ TĨNH SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 không phải là hình dấu đóng trực tiếp, so với hình dấu có cùng

nội dung của Sở Tài nguyên và môi trường trên mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Như vậy, số tiền mà Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của chị Trần Thị T T là 110.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng tháng 11/2019, bà Trần Thị T liên hệ với Nguyễn Thị H, nhờ giúp đỡ chạy giảm án cho Thái Văn Vượng (lúc này là bị cáo trong vụ án Phạm Thúy Liễu và đồng bọn phạm tội Buôn bán, vận chuyển hàng cấm). Lợi dụng lòng tin của bà T đối với mình, H đã nhiều lần chủ động liên hệ yêu cầu bà T chuyển tiền để H lo việc chạy giảm án cho Vượng, giảm còn 5-6 năm tù, nếu không giúp được sẽ trả lại tiền. Tin tưởng H, bà T đến cửa hàng Viettel Thắng Lan, ở xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên gửi qua Viettel Pay cho H số tiền 20.000.000 đồng và trực tiếp đưa đến quán Cafe tại thị trấn Cẩm Xuyên (Không nhớ tên quán) đưa cho H số tiền 19.000.000 đồng; Chị Kiều Thị H (con dâu bà T) 04 lần chuyển khoản và trực tiếp đưa tiền cho H với tổng số tiền 67.000.000 đồng, trong đó 01 lần chuyển khoản vào số tài khoản 370.290.511.1572 ngân hàng Agribank Cẩm Xuyên mang tên Mai Thị Minh A, số tiền 30.000.000 đồng; 01 lần chuyển khoản vào số tài khoản 3709205147318, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng; 01 lần chị Hồng trực tiếp đưa số tiền 2.000.000 đồng cho H tại quán cafe Hình Như Là, ở thị trấn Cẩm Xuyên và 01 lần chuyển tiền qua dịch vụ Vietttel Pay số tiền 15.000.000 đồng vào số điện thoại 0974.009.986. Chị Thái Thị T (con gái bà T), chuyển khoản 02 lần cho Nguyễn Thị H với tổng số tiền 42.000.000 đồng. Tổng số tiền gia đình bà Trần Thị T đã đưa cho H là 148.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của gia đình bà T, Nguyễn Thị H không sử dụng số tiền này để chạy giảm án cho anh Thái Văn Vượng mà đã chiếm đoạt sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ tư: Vào đầu năm 2020, biết Nguyễn Thị H Đ ng nhận chạy giảm án cho anh Thái Văn Vượng, nên anh Trần Văn Đ, (lúc này là bị cáo trong vụ án Phạm Thúy Liễu và đồng bọn phạm tội Buôn bán, vận chuyển hàng cấm) đã liên hệ nhờ Nguyễn Thị H chạy giảm án, H đồng ý. Khi gặp anh Đ, H nói dối bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết, có thể liên hệ giúp Đ chạy giảm mức án thấp nhất, tin lời H nói là thật nên anh Đ đã đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, anh Trần Văn Đ bị bắt tạm giam, bà Kiều Thị Đ (mẹ của Đ) và chị Trần Thị N (vợ của Đ) tiếp tục liên hệ nhờ H giúp anh Đ chạy giảm án, H đồng ý. Để chiếm đoạt tài sản của gia đình Đ, H nói dối H có nhiều mối quan hệ quen biết, có thể giúp Đ chạy giảm án, tưởng thật nên chị Nga đã đến nhờ anh Trần Mạnh T 06 lần chuyển khoản vào số tài khoản 3709205147318, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Nguyễn Thị H tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã nhận và chiếm đoạt của gia đình bà Kiều Thị Đ là 51.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của gia đình bà Đ, H không sử dụng để chạy giảm án cho Đ như đã hứa hẹn mà đã chiếm đoạt sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt của chị Trần Thị T T số tiền 195.000.000 đồng, chiếm đoạt của gia đình bà Trần Thị T số tiền 148.000.000 đồng và chiếm đoạt của bà Kiều Thị Đ số tiền 51.000.000 đồng. Tổng cộng, Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt là 394.000.000 đồng.

*** Về vật chứng:** Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên đã thu giữ:

- 01 giấy CNQSDĐ số phát hành serial CO 388102, mã vạch 5823620511392, thửa đất số 162, tờ bìa đất số 24, diện tích 96m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn Chùa, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- 01 giấy CNQSDĐ số phát hành serial CO 388102, mã vạch 5823620511392, thửa đất số 182, tờ bìa đất số 24, diện tích 160m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn Liên Thành, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- 04 đĩa CD ghi hình có âm T ghi lại quá trình hỏi cung Nguyễn Thị H.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra Nguyễn Thị H đã tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị T T số tiền 20.000.000 đồng, nay chị TH yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 175.000.000 đồng.

Đã bồi thường cho bị hại bà Trần Thị T số tiền 80.000.000 đồng, nay bà T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 68.000.000 đồng.

Bị hại bà Kiều Thị Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 51.000.000 đồng.

Đối với các giao dịch dân sự khác giữa Nguyễn Thị H với chị Trần Thị T T, giữa Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị T. Bị cáo Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T T đã yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Với hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSCX ngày 20/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội đối với bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị T T số tiền 175.000.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị T 68.000.000 đồng; bồi thường cho bà Kiều Thị Đ 51.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.700.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với Viện kiểm sát. Bị cáo xin Hội đồng xét xử kHn hồng giảm nhẹ hình phạt; bị hại bà Trần Thị T và bà Kiều Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, chị Nguyễn Thị T TH đề nghị xử lý bị cáo mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là khách quan, phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến năm 2020, lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thị H đã 04 lần thực hiện hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại Trần Thị T T, Trần Thị T, Kiều Thị Đ với tổng số tiền 394.000.000 đồng. Trong đó 02 lần Nguyễn Thị H đã sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để che dấu hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Trần Thị T T tổng số tiền 195.000.000 đồng. Trong vụ án này chỉ một mình Nguyễn Thị H thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi trên của Nguyễn Thị H đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, việc xét xử bị cáo về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người Đng nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; đã tự nguyện bồi thường được một phần dân sự cho các bị hại, được bị hại bà Trần Thị T và bà Kiều Thị Đ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, có ông ngoại là liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] *Về tính chất hành vi phạm tội và hình phạt:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo đã đưa ra các thông tin gian dối, sai sự thật để chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại với tổng số tiền 394.000.000 đồng. Mặt khác, bị cáo đã sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để che dấu hành vi lừa đảo của mình, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà

nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường được một phần trách nhiệm dân sự cho các bị hại. Nay bị hại chị Trần Thị T T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 175.000.000 đồng; bà Trần Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường 68.000.000 đồng; bà Kiều Thị Đ 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của các bị hại nên cần chấp nhận.

Đối với các giao dịch dân sự khác giữa Nguyễn Thị H với chị Trần Thị T T, giữa Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị T. Bị cáo Nguyễn Thị H, chị Trần Thị T T đã yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu giữ; 04 đĩa CD ghi hình có âm T ghi lại quá trình hỏi cung Nguyễn Thị H, đây là các tài liệu được chuyển theo hồ sơ vụ án nên cần lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[7] Đối với hành vi chuyển nhượng diện tích đất 96m², tại thôn Chùa, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh của bà Nguyễn Thị T cho Nguyễn Thị H. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự, việc chuyển nhượng đất của bà T là do nhận thức, không có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập hình thức xử lý là có căn cứ.

Đối với số tài khoản ngân hàng ACB số 15735817, mang tên Võ Duy A, sinh năm 2001, trú tại xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh T Hóa và số tài khoản Techcombank số 19032588686019 mang tên Lưu Chí K, sinh năm 1989, trú tại xã Văn Hưng, huyện Văn Ninh, tỉnh Khánh H mà Nguyễn Thị H chuyển tiền để làm 02 Giấy CNQSDĐ đất giả. Quá trình điều tra xác định tại hai địa chỉ nói trên không có họ tên của Võ Duy A và Lưu Chí K nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chị Mai Thị Minh A, chủ tài khoản 370.290.511.1572 ngân hàng Agribank Cẩm Xuyên, cho Nguyễn Thị H mượn tài khoản để nhận số tiền 30.000.000 đồng do chị Kiều Thị H chuyển khoản. Quá trình điều tra xác định khi cho mượn chị Anh không biết mục đích của H nên không có căn cứ để xử lý.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo luật định.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 341; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội đối với bị cáo Nguyễn Thị H là **09 (Chín) năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Trần Thị T T số tiền 175.000.000đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*);
- Bồi thường cho bà Trần Thị T số tiền 68.000.000đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*);
- Bồi thường cho bà Kiều Thị Đ số tiền 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*).

“*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1, Khoản 3 Điều 21, Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.700.000đồng án phí dân sự có giá ngạch, tổng số tiền án phí bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu là 14.900.000đồng (*Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Xuyên;
- Công an huyện Cẩm Xuyên;
- THA.HS Công an huyện Cẩm Xuyên;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

